

Phụ lục I
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải¹

- Nguồn số 1: Nước thải từ các nhà vệ sinh (nước thải đen);
- Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động rửa tay, vệ sinh, tắm, giặt của nhân viên y tế, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, khách đến thăm (nước thải xám);
- Nguồn số 3: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động chuyên môn như phẫu thuật, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, khám chữa bệnh;
- Nguồn số 4: Nước thải từ căng tin Bệnh viện;
- Nguồn số 5: Nước thải từ Khu vực lưu giữ chất thải (nước rửa thùng rác).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi qua 02 hệ thống xử lý nước thải (công suất thiết kế 600 m³/ngày.đêm và 400 m³/ngày.đêm) được đầu nối thoát về tuyến cống thoát nước chung của khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải:

+ Hố ga nằm trên vỉa hè giữa cổng số 4 Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Gia Lai và hẻm số 02 đường Phạm Ngọc Thạch.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3 độ, kinh tuyến trực 108°15'): X= 1.522.745; Y= 605.163.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 950 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống dẫn về hố ga đầu nối tuyến thoát nước chung của khu vực.

2.5. Chế độ xả nước thải: gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải của các dòng thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

¹ Các nguồn trên đã bao gồm nước thải từ Tòa nhà 15 tầng sẽ xây dựng mới trong thời gian đến

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ (theo đề xuất của Chủ cơ sở)	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 – 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 40		
3	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	$\leq 6,0$		
4	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 5.000		
5	Nhu cầu oxy hóa (BOD ₅ ở 20°C)	mg/L	≤ 60		
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 90		
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 80		
8	Amoni (tính theo N-NH ⁴⁺), tính theo N	mg/L	≤ 10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 30		
10	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	$\leq 5,0$		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Hệ thống xử lý nước thải 400 m³/ngày.đêm:

a) Thu gom nước thải phát sinh từ các Tòa nhà khoa Khám bệnh - cấp cứu, chẩn đoán hình ảnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, sản, nhi sơ sinh, ngoại thần kinh cột sống, nhà 7 tầng (khoa Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Thần kinh Đột quỵ, Lão khoa, Hồi sức tích cực - chống độc), khu Nhà thuốc Bệnh viện, khu thu viện phí.

- Nước thải của các nhà vệ sinh tại các khoa, phòng, khu nhà nêu trên (nước thải đen): Được thu gom bằng ống đứng uPVC D114 đặt trong hộp gen kỹ thuật dẫn về bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm tại từng toà nhà, sau đó được dẫn bằng uPVC D150 dẫn về mạng lưới thu gom bằng ống nhựa uPVC D200 với chiều dài 114 m, uPVC D250 với chiều dài 38m, đưa về hệ thống thoát nước thải chung của Bệnh viện bằng đường ống HDPE D200 với chiều dài 90 m để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 400 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ các hoạt động tắm giặt, sinh hoạt của nhân viên y tế, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, khách đến thăm,... tại các khoa, phòng, khu nhà nêu trên (nước thải xám): Được thu gom bằng ống đứng uPVC D90 đặt trong hộp gen kỹ thuật, sau đó được dẫn bằng uPVC D150 dẫn về mạng lưới thu gom bằng ống nhựa uPVC D200 với chiều dài 114 m, uPVC D250 với chiều dài 38m, đưa về hệ thống thoát nước thải chung của Bệnh viện bằng đường ống HDPE D200 với chiều dài 90 m để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 400 m³/ngày.đêm.

- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động chuyên môn như phẫu thuật, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, khám chữa bệnh... tại các khoa, phòng, khu nhà nêu trên: Được thu gom bằng ống đứng uPVC D90 đặt trong hộp gen kỹ thuật, sau đó được dẫn bằng uPVC D150 dẫn về mạng lưới thu gom bằng ống nhựa uPVC D200 với chiều dài 114 m, uPVC D250 với chiều dài 38m, đưa về hệ thống thoát nước thải chung của Bệnh viện bằng đường ống HDPE D200 với chiều dài 90 m để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 400 m³/ngày.đêm.

b) Nước thải từ căn tin Bệnh viện: Được thu gom bằng đường ống uPVC D114 đặt trong hộp gen kỹ thuật sau đó được dẫn về mạng lưới thu gom bằng ống nhựa uPVC D200 với chiều dài 68m, uPVC 150 với chiều dài 38m đưa về hệ thống thoát nước thải chung của Bệnh viện bằng đường ống uPVC D250 với chiều dài 37,5m để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 400 m³/ngày.đêm.

1.2. Hệ thống xử lý nước thải 600 m³/ngày.đêm:

a) Thu gom nước thải phát sinh từ các tòa Nhà hành chính (02 tòa nhà hành chính), khoa Giải phẫu bệnh, khoa Nhi, tim mạch can thiệp, nội Tim mạch, truyền nhiễm, nội thận lọc máu, tòa nhà 300 giường (khoa Ung bướu, ngoại Chấn thương – bỏng, ngoại Tổng hợp, ngoại Tiết niệu), tòa nhà Nội Trung cao (khoa Nội Trung cao, da liễu, nội tiết, phòng Công nghệ thông tin, khoa Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng), phòng Vật lý y tế, khoa Nội Tổng hợp, nội Tiêu hóa, ngoại lồng ngực, gây mê hồi sức, nhà đại thể.

- Nước thải của các nhà vệ sinh tại các khoa, phòng, khu nhà nêu trên (nước thải đen): Được thu gom bằng ống đứng uPVC D114 đặt trong hộp gen kỹ thuật dẫn về bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm tại các tòa nhà, được dẫn bằng đường ống nhựa uPVC D110 với chiều dài 641,80m dẫn về mạng lưới thu gom bằng ống uPVC D200 với chiều dài 204,70m và uPVC D250 với chiều dài 140m để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 600 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ các hoạt động tắm giặt, sinh hoạt của nhân viên y tế, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, khách đến thăm,... tại các khoa, phòng, khu nhà nêu trên (nước thải xám): Được thu gom bằng ống đứng uPVC D90 đặt trong hộp gen kỹ thuật, sau đó được dẫn bằng đường ống nhựa uPVC D110 với chiều dài 641,80m dẫn về mạng

lưới thu gom bằng ống uPVC D200 với chiều dài 204,70m và uPVC D250 với chiều dài 140m để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 600 m³/ngày.đêm.

- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động chuyên môn như phẫu thuật, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, khám chữa bệnh...tại các khoa, phòng, khu nhà nêu trên: Được thu gom bằng ống đứng uPVC D90 đặt trong hộp gen kỹ thuật, sau đó được dẫn bằng đường ống nhựa uPVC D110 với chiều dài 641,80m dẫn về mạng lưới thu gom bằng ống uPVC D200 với chiều dài 204,70m và uPVC D250 với chiều dài 140m để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 600 m³/ngày.đêm.

b) Khu vực lưu giữ chất thải (nước rửa thùng rác): Nước thải được thu gom bằng ống đứng uPVC D60 đặt trong hộp gen kỹ thuật, sau đó dẫn về mạng lưới thu gom bằng ống uPVC D250 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 600 m³/ngày.đêm.

c) Đối với Tòa nhà 15 tầng xây dựng mới: Nước thải sau khi được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại, tự chảy ra hố ga thoát nước thải bằng ống uPVC D200, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước thải hiện trạng của Bệnh viện bằng ống HDPE D200 để đưa về trạm XLNT công suất 600m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Hệ thống xử lý nước thải 400 m³/ngày.đêm, sơ đồ công nghệ xử lý nước thải được tóm tắt như sau:

Nước thải đầu vào → Ngăn tách rác → Bể điều hoà → Cụm thiết bị xử lý nước thải AAO → Ngăn tuần hoàn → Ngăn chứa nước sau lọc → Ngăn khử trùng → Hố ga → Cống thoát nước chung của khu vực (đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B).

- Quy trình vận hành: tự động, vận hành thường xuyên, liên tục.
- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày.đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine viên nén (200g/viên)
- Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Các hạng mục	Số lượng	Kích thước bể (m)			Thể tích bể (m ³)	Thể tích hữu ích (m ³)	Thời gian lưu nước (giờ)
			Dài	Rộng	Cao			
1	Ngăn tách rác	01	2,43	4,68	4,5	51,72	32,19	3,2
2	Bể điều hoà	01	8,15	6,43	4,5	235,82	187,35	18,4
3	Cụm thiết bị xử lý nước thải AAO	04	6,8	2,05	2,35	131,04	98,28	9,6
4	Ngăn tuần hoàn	04	1,4	2,05	2,35	26,98	20,22	2,0

TT	Các hạng mục	Số lượng	Kích thước bể (m)			Thể tích bể (m ³)	Thể tích hữu ích (m ³)	Thời gian lưu nước (giờ)
			Dài	Rộng	Cao			
5	Ngăn chứa nước sau lọc	04	1,5	2,05	2,35	28,91	21,68	2,1
6	Ngăn khử trùng	04	1	2,05	2,35	19,27	14,45	1,4
7	Bể chứa bùn	01	5,73	4,68	4,5	120,44	90,33	8,8
8	Hố ga đầu ra	01	1	1	1	1	0,75	0,1

b) Hệ thống xử lý nước thải 600 m³/ngày.đêm:

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải được tóm tắt như sau:

- Nước thải đầu vào → Tách rác thô → Bể thu gom → Tách rác tinh → Ngăn bơm → Ngăn tách cặn váng → Bể điều hòa → Bể khử Ni tơ → Thiết bị hợp khối FRP → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Hồ ga sau xử lý → Công thoát nước chung của khu vực (đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B).

- Quy trình vận hành: tự động, vận hành thường xuyên, liên tục.

- Công suất thiết kế: 600 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine viên nén (200g/viên).

- Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Các hạng mục	Số lượng	Kích thước bể (m)				Thể tích bể (m ³)	Thể tích hữu ích (m ³)	Thời gian lưu nước (giờ)
			Dài	Rộng	Cao	Đường kính			
1	Bể thu gom	01	1,5	1,68	4,4	-	11,06	7,8	0,5
2	Ngăn bơm	01	1,5	1,68	4,4	-	11,06	7,8	0,5
3	Ngăn tách cặn váng	01	1,5	1,68	4,4	-	11,06	7,8	0,5
4	Bể điều hòa	01	11	6,5	4,4	-	314,6	221,7	12,9
5	Bể khử Ni tơ	01	9	3,5	4,4	-	138,6	97,7	5,7
6	Bệ đỡ đặt thiết bị hợp khối FRP (chứa 6 tank, mỗi tank gồm 3 khoang)	01	18	11,2	0,3	-	-	-	-
6.1	Khoang xử lý sinh học (chứa đệm vi sinh)	06	6,4	-	-	2,5	160,8	120,6	7,0

6.2	Khoang lắng	06	3,3	-	-	2,5	85,29	63,98	3,7
6.2	Khoang khử trùng	06	1	-	-	2,5	17,82	13,37	0,8
7	Bể bùn:								
7.1	Bể bùn 1 (bể chính, bùn đưa về từ hộp phân chia bùn)	01	2,88	2,25	4,4	-	28,45	20,1	1,2
7.2	Bể bùn 2 (chảy tràn từ bể bùn 1)	01	2,75	2,25	4,4	-	27,22	19,2	1,1
7.3	Bể bùn 3 (chảy tràn từ bể bùn 2 → qua bể điều hòa)	01	2,88	2,25	4,4	-	28,45	20,1	1,2

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đường ống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải, thường xuyên kiểm tra và giám sát các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải. Bố trí nhân viên theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: nước thải sẽ được bơm trở lại bể điều hòa. Rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải để xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Đối với sự cố trong hệ thống xử lý nước thải:

+ Sử dụng bơm nước thải dự phòng khi bị cháy máy bơm.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn xả thải ra ngoài môi trường, tạm dừng xả thải, lưu chứa nước thải tại các bể chứa nước thải, bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm từ các bể chứa nước thải về bể điều hòa để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường; đồng thời thông tin đến đơn vị tiếp nhận nước thải, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Quy Nhơn Nam để phối hợp quản lý và hỗ trợ khi xảy ra sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Trong vòng 06 tháng kể từ thời điểm Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế $400\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế $600\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tại vị trí hố ga nằm trên vỉa hè giữa công số 4 Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai và hẻm số 02 đường Phạm Ngọc Thạch.

Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1.522.745$; $Y = 605.163$.

(Theo hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a, khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước:

- Đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động thường xuyên, liên tục. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra để theo dõi, quản lý.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Việc vận hành các hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh.

3.4. Chủ cơ sở có trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải nêu trên, cụ thể như sau:

- Có quy trình vận hành bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận

hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung theo quy định.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc và hiệu quả xử lý nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai trong thời hạn trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 02: Hệ thống xử lý nước thải công suất 600 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng sau Khoa Truyền nhiễm (02 máy);
- Nguồn số 04: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng trước Tòa nhà 300 giường;
- Nguồn số 05: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng sau Khoa Khám bệnh;
- Nguồn số 06: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng sau Tòa nhà 7 tầng;
- Nguồn số 07: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng sau Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1.522.935; Y = 605.353;
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1.522.779; Y = 605.182;
- Nguồn số 03 (02 máy):
- + Vị trí 1 (sau khoa Truyền nhiễm), tọa độ: X = 1.522.791; Y = 605.199;
- + Vị trí 2 (sau khoa Truyền nhiễm), tọa độ: X = 1.522.786; Y = 605.191;
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1.522.810; Y = 605.236;
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 1.522.915; Y = 605.411;
- Nguồn số 06: Tọa độ: X = 1.522.893; Y = 605.388;
- Nguồn số 07: Tọa độ: X = 1.522.915; Y = 605.366.

(Theo hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3^o, kinh tuyến trực 108^o15')

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương dBA), cụ thể như sau:

	Khoảng thời gian	
--	-------------------------	--

Khu vực bị ảnh hưởng	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Tần suất quan trắc định kỳ
Khu vực A	50	45	40	-

3.2. Độ rung: Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (theo mức rung tương đương dB), cụ thể như sau:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		Tần suất quan trắc định kỳ
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	
Khu vực A	60	55	-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đảm bảo các điều kiện kỹ thuật làm việc và tăng tuổi thọ của máy móc thiết bị.

- Thường xuyên cải tiến thiết bị, công nghệ sản xuất để hạn chế các nguồn gây tiếng ồn, độ rung tại dự án.

- Nhà điều hành của các hệ thống xử lý nước thải, nơi đặt các thiết bị, máy móc phải được gia cố nền bê tông chắc chắn, bố trí lót cao su,... để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Đảm bảo diện tích, vị trí trồng cây xanh theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

- Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi tiếng ồn, độ rung không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục III
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày/.../2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	156.580
2	Vỏ lọ dính thuốc gây độc tế bào	18 01 04	860
3	Pin, ắc quy thải bỏ	16 01 12	40
4	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	16 01 06	111
	Tổng cộng		157.591

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì cứng (đã chứa CTNH) thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	860
2	Hóa chất thải nguy hại	13 01 02	780
3	Hộp mực in thải	08 02 04	155
4	Giẻ lau thải nhiễm dầu mỡ từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	18 02 01	5
	Tổng cộng		1.800

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng/năm
1	Nhựa	24.946
2	Giấy	16.662
3	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	500

Chủ cơ sở phải tổ chức thu gom phục vụ mục đích tái chế theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT. Hàng năm, tổ chức đấu giá tài sản thông qua Trung tâm dịch vụ đấu giá để lựa chọn đơn vị thu mua chất thải tái chế, chất thải tái chế được xuất kho mỗi khi đầy kho.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng phát sinh khoảng 1.650 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:

2.1. Chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

❖ Phân loại

Chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Trên mỗi xe tiêm bố trí 01 thùng sắc nhọn để đựng chất thải lây nhiễm sắc nhọn phát sinh từ các hoạt động tiêm, chích, phẫu thuật, thủ thuật,...

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Trên mỗi xe tiêm, buồng bệnh bố trí 01 thùng màu vàng 10 lít có lót túi để đựng chất thải lây nhiễm không sắc nhọn. Bên ngoài thùng, túi có biểu tượng cảnh báo chất thải lây nhiễm.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Tại các khu có phát sinh loại chất thải này, bố trí 01 thùng vàng 20 lít có lót túi để đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao. Bên ngoài thùng, túi có biểu tượng cảnh báo chất thải lây nhiễm.

+ Chất thải giải phẫu: bỏ vào trong 2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng. Bên ngoài thùng, túi có biểu tượng cảnh báo chất thải lây nhiễm.

+ Chất thải lây nhiễm dạng lỏng (nếu có): chứa trong túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín. Bên ngoài túi, dụng cụ lưu chứa có biểu tượng cảnh báo chất thải lây nhiễm.

+ Tại các điểm tập kết chất thải tại khoa, phòng có bố trí các loại thùng rác màu vàng có dung tích 120 lít, 240 lít để lưu chứa và vận chuyển chất thải lây nhiễm về kho lưu giữ chất thải Bệnh viện. Bên ngoài thùng có biểu cảnh báo chất thải lây nhiễm.

- Phân loại chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa đối với các chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn: Tại mỗi khoa, bố trí 01 thùng màu đen loại 20 lít có lót túi để đựng chất thải phát sinh. Bên ngoài thùng, túi có biểu tượng chất thải nguy hại.

Loại chất thải này chủ yếu phát sinh tại khoa Ung bướu, Giải phẫu bệnh. Các khoa này, tại điểm tập kết bố trí thùng màu đen 240 lít có bánh xe để vận chuyển chất thải về kho lưu giữ của Bệnh viện. Bên ngoài thùng có biểu tượng chất thải nguy hại.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa.

- Dụng cụ thu gom chất thải phải bảo đảm kín, không rò rỉ dịch thải trong quá trình thu gom;

- Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín;

- Tần suất thu gom chất thải từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải tối thiểu 01 lần một ngày.

❖ Lưu giữ:

Chất thải y tế nguy hại được lưu giữ tạm thời tại khu vực lưu giữ chất thải tập trung của Bệnh viện.

- Phòng lưu chứa chất thải lây nhiễm có diện tích 19,5m²; tường, nền được lát gạch men, mái đổ bê tông, có cửa, khóa. Bên ngoài có biển cảnh báo. Chất thải lây nhiễm được lưu chứa trong các thùng màu vàng 120 lít, 240 lít có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo chất thải lây nhiễm.

- Phòng lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm có diện tích 19,5m²; tường, nền được lát gạch men, mái đổ bê tông, có cửa, khóa. Bên ngoài có biển cảnh báo. Chất thải nguy hại không lây nhiễm được lưu chứa trong các thùng màu đen 20 lít, 240 lít, 660 lít có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có dán tên loại chất thải, mã chất thải nguy hại và bên ngoài thùng có biểu tượng chất thải nguy hại.

- Tại các phòng lưu chứa chất thải nguy hại đều được trang bị 02 bình bột chữa cháy ở mỗi phòng. Bên ngoài có trang bị thùng phuy đựng cát và xẻng để ứng phó sự cố trong trường hợp chất thải lỏng đổ tràn.

- Trước khu vực lưu giữ chất thải là sân nền bê tông, có mương thoát nước; bên trên có mái che. Nước thải từ việc vệ sinh thùng rác, nhà lưu giữ rác,... được dẫn về mương thoát chảy vào hệ thống xử lý nước thải 600m³/ ngày đêm.

❖ Xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại với tần suất hàng ngày.

2.2. Chất thải rắn sinh hoạt

❖ Phân loại:

- Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: đựng trong túi hoặc thùng màu xanh có lót túi. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng khuẩn;

+ Tại buồng bệnh, nhà vệ sinh: Bố trí 01 thùng rác đạp chân 20 lít màu xanh có lót túi màu xanh bên trong. Trên mỗi thùng chứa có dán bảng hướng dẫn phân loại chất thải theo quy định.

+ Tại các đầu hành lang khoa phòng: Bố trí 02 thùng rác màu xanh 120 lít hoặc 240 lít (tùy vào lượng chất thải phát sinh của khoa/phòng) có bánh xe để vận chuyển về kho lưu giữ của Bệnh viện. Trên mỗi thùng chứa có dán bảng hướng dẫn phân loại chất thải theo quy định.

+ Tại các khu vực ngoại cảnh: Bố trí 38 thùng rác cố định loại 90 lít màu xanh, trên nắp có lỗ rộng để thuận tiện bỏ rác.

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: Trên mỗi xe tiêm, bố trí 01 thùng màu trắng có nắp xoay để đựng chất thải có thể tái chế. Hàng ngày, chất thải này được gom về điểm tập kết của các Khoa. Tại điểm tập kết, bố trí 01 thùng màu trắng loại 240 lít có bánh xe để di chuyển về kho lưu giữ chất thải của Bệnh viện. Bên ngoài các thùng có biểu tượng chất thải tái chế.

❖ Thu gom:

- Dụng cụ thu gom chất thải phải bảo đảm kín, không rò rỉ dịch thải trong quá trình thu gom;

- Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín;

- Tần suất thu gom chất thải từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải tối thiểu 01 lần một ngày.

❖ Lưu giữ:

Chất thải thông thường được lưu giữ tạm thời tại khu vực lưu giữ chất thải tập trung của Bệnh viện.

- Phòng lưu chứa chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế có diện tích 33,8m²; tường, nền được lát gạch men, mái đổ bê tông, có cửa và khóa.

- Phòng lưu chứa chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế có diện tích 32,5m²; tường, nền được lát gạch men, mái đổ bê tông, có cửa và khóa.

- Tại mỗi phòng lưu chứa chất thải rắn được trang bị 02 bình chữa cháy ở mỗi phòng. Bên ngoài có trang bị thùng phuy đựng cát và xẻng để ứng phó sự cố trong trường hợp chất thải lỏng đổ tràn.

- Trước khu vực lưu giữ chất thải là sân nền bê tông, có mương thoát nước; bên trên có mái che. Nước thải từ việc vệ sinh thùng rác, nhà lưu giữ rác,... được dẫn về mương thoát chảy vào hệ thống xử lý nước thải 600m³/ngày đêm.

❖ Xử lý:

- Chất thải rắn thông thường (chất thải sinh hoạt): Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý với tần suất hàng ngày.

+ Chất thải rắn thông thường được ký hợp đồng vận chuyển và xử lý theo hình thức hợp đồng trọn gói với khối lượng 395m³/tháng.

+ Vị trí tập kết: Tại khu lưu giữ chất thải tập trung của Bệnh viện.

+ Thời gian chuyển giao chất thải rắn thông thường cho công ty xử lý: Từ 13h30 đến 14h30 hàng ngày.

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: Hàng năm, tổ chức đấu giá tài sản thông qua Trung tâm dịch vụ đấu giá để lựa chọn đơn vị thu mua chất thải tái chế. Chất thải tái chế được xuất kho mỗi khi đầy kho.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành, cập nhật và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

Phụ lục IV
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

2. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp.

4. Tăng cường trồng và chăm sóc cây xanh trên mặt bằng dự án đảm bảo dải cây xanh cách ly và tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch được duyệt.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định mới.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải, tiếng ồn và độ rung không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

8. Tổ chức vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoàn thành việc vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải theo quy định trước khi đưa dự án đi vào vận hành chính thức và bàn giao cho đơn vị/tổ chức quản lý và vận hành (nếu có).

9. Thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật.

10. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường./.